

Đơn vị báo cáo:...

Biểu số 134-TTGS

BẢO CÁO GIAO DỊCH TÍN DỤNG VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC Ở NƯỚC NGOÀI

(Tháng.....năm.....)

Đơn vị tính: Triệu VND

[illegible]

	ngoài của ngân hàng mẹ - C															
....																
1.n	Tên chi nhánh khác ở nước ngoài của ngân hàng mẹ - N															
2	Các TCTD khác ở nước ngoài															
2.1	Tên TCTD khác ở nước ngoài 1															
2.2	Tên TCTD khác ở nước ngoài 1															
2.3	Tên TCTD khác ở nước ngoài 2															
...																
2.n	Tên TCTD khác ở nước ngoài n															
	Tổng cộng (= I + II)															

1. Đối tượng áp dụng: Các ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh.

2. Yêu cầu số liệu báo cáo: Trụ sở chính tổ chức tín dụng tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi NHNN thông qua Cục Công nghệ thông tin.

3. Đơn vị nhận và duyệt báo cáo: Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

4. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Tổ chức tín dụng ở nước ngoài tại báo cáo này được hiểu là Người không cư trú của Việt Nam theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-VPQH ngày 11/7/2013 Pháp lệnh ngoại hối hoặc theo Văn bản pháp luật hiện hành có tính pháp lý cao nhất.

- Thống kê số dư chi tiết đến từng giao dịch tín dụng giữa đơn vị báo cáo theo từng tổ chức tín dụng khác ở nước ngoài trong kỳ báo cáo, bao gồm các giao dịch về nhận tiền gửi, đi vay, gửi tiền, cho vay và các giao dịch nhận/cấp tín dụng khác (chỉ thống kê các giao

dịch có số dư tại cuối kỳ báo cáo).

- Tỷ giá quy đổi theo hướng dẫn tại Phần 1 Phụ lục 2 Thông tư này.

- Cột (2): Ghi tên ngân hàng Mẹ, hoặc chi nhánh khác của ngân hàng Mẹ ở nước ngoài, hoặc tổ chức tín dụng khác ở nước ngoài mà đơn vị báo cáo thực hiện giao dịch.

Lưu ý: Tên của một tổ chức tín dụng có thể xuất hiện nhiều hơn 1 lần tùy thuộc vào số lượng giao dịch với đơn vị báo cáo trong kỳ báo cáo, do vậy yêu cầu tên của đối tượng tại cột (2) phải thống nhất cho tất cả các giao dịch có liên quan.

- Cột (3): Thống kê Mã Quốc gia nơi tổ chức tín dụng phát sinh giao dịch đặt trụ sở theo quy định tại Bảng 7 Phụ lục 3 Thông tư này.

- Cột (4): Nhập mã giao dịch hoặc số hiệu hợp đồng, chứng từ giao dịch tương ứng với từng giao dịch theo quy định nội bộ của đơn vị báo cáo.

- Cột (5): Tổ chức tín dụng nhập loại giao dịch tín dụng theo phân loại sau:

+ Là 1 nếu “Nhận tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác ở nước ngoài”.

+ Là 2 nếu “Đi vay tổ chức tín dụng khác ở nước ngoài”.

+ Là 3 nếu “Gửi tiền tại các tổ chức tín dụng khác ở nước ngoài”.

+ Là 4 nếu “Cho vay tổ chức tín dụng khác ở nước ngoài”.

+ Là 5 nếu “Giao dịch vốn vào lãnh thổ Việt Nam từ các tổ chức tín dụng khác ở nước ngoài dưới các hình thức khác (ngoài Nhận tiền gửi và Đi vay)”.

+ Là 6 nếu “Cấp tín dụng khác cho các tổ chức tín dụng khác ở nước ngoài (ngoài Gửi tiền và Đi vay)”.

- Cột (6), Cột (7), Cột (8), Cột (9): Thống kê số dư nhận tiền gửi/đi vay/nhận tín dụng khác; tiền gửi/cho vay/cấp tín dụng khác tại thời điểm cuối kỳ báo cáo giữa đơn vị báo cáo với các tổ chức tín dụng khác ở nước ngoài phân theo loại tiền VND, USD, EUR và các ngoại tệ khác. Trong đó, USD, EUR và các ngoại tệ khác được quy đổi ra VND.

- Cột (10), Cột (11), Cột (12), Cột (13), Cột (14): Thống kê số dư nhận tiền gửi/đi vay/nhận tín dụng khác; tiền gửi/cho vay/cấp tín dụng khác tại thời điểm cuối kỳ báo cáo giữa đơn vị báo cáo với các tổ chức tín dụng khác ở nước ngoài phân loại theo thời gian đến hạn của các giao dịch (dưới 1 tháng, từ 1 tháng đến dưới 3 tháng, từ 3 tháng đến dưới 12 tháng, từ 12 tháng đến dưới 60 tháng và từ 60 tháng trở lên).

- Cột (15), Cột (16): Nhập theo định dạng dd/mm/yyyy.

- Cột (17): Lãi suất chỉ nhập số, không nhập ký tự %. Ví dụ: Lãi suất là 2,5% ☐ nhập 2,5 (không nhập %).

Ghi chú: Tổ chức tín dụng không điền số liệu vào các ô màu xám.